

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 8 và chương trình công tác tháng 9 năm 2016

Trong tháng 8, tiếp tục gặp một số khó khăn như: Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, tỷ lệ tiêm phòng còn thấp; giá lúa, dứa khô có chiều hướng sụt giảm; diện tích cây màu giảm, năng suất lúa hè thu đạt thấp so cùng kỳ. Bên cạnh đó, có một số thuận lợi cho sản xuất như: Lượng mưa đều nhưng không tập trung, nông dân có điều kiện chăm sóc lúa nên diện tích và tỷ lệ nhiễm sâu, bệnh giảm; bệnh đạo ôn hại lúa đã được khống chế; các loại bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi không phát sinh; công tác tư vấn, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được triển khai; các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn được quan tâm thực hiện, đặc biệt là chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ; giá tôm sú, tôm thẻ tăng so với tháng trước, nông dân tập trung thu hoạch nên sản lượng tăng so cùng kỳ. Nhờ đó, trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sản xuất đạt được kết quả khá, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Cây lúa:

+ Vụ Hè thu: Thu hoạch 1.992 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch vụ này đến nay 3.810 ha, năng suất trung bình 4,42 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng 9.967 ha (tăng 7.131 ha so cùng kỳ), gồm: Đạo ôn lá 4.638 ha, tỷ lệ 5- 20%, trong đó 1.758 ha tỷ lệ 10-20% ở các huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú; đạo ôn cổ bông 3.774 ha, tỷ lệ 2-10%, trong đó 381 ha tỷ lệ 20-30%, tập trung ở các xã An trường, Tân An, Tân Bình huyện Càng Long, xã Phong Thạnh, Thông Hòa, huyện Cầu Kè; rầy nâu 1.157 ha, mật số 750 - 1.500 con/m², ở các huyện Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang.

+ Vụ Thu Đông: Xuống giống lúa 291 ha, nâng tổng diện tích xuống giống vụ này đến nay 906 ha tại huyện Càng Long và thị xã Duyên Hải.

- Gieo trồng 3.340 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 40.994 ha, đạt 71,5% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 3.502 ha, trong đó: Màu lương thực 5.249 ha, màu thực phẩm 22.444 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.301 ha.

- Triển khai thực hiện công tác phòng trừ dịch bệnh đạo ôn trên lúa Hè Thu năm 2016 theo Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh và Công văn số 778/SNN-KHTC của Sở Nông nghiệp và PTNT. Tổ chức tập huấn, khám bệnh lưu động, tọa đàm về phòng trừ bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông và rầy nâu trên lúa với 34 cuộc cho 1.555 nông dân tham dự tại huyện Cầu Kè, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải; soạn thảo, in ấn tài liệu, quy trình kỹ thuật và biện pháp phòng trừ sâu bệnh trên cây lúa và một số cây trồng chính. Xây dựng 02 mô hình khắc phục thiệt hại do mặn trên cây chôm chôm, đã phun thuốc kích thích ra rễ và tưới phân lần 3 theo quy trình; tiếp tục theo dõi 3 mô hình quản lý chổi rồng hại nhãn và xử lý theo qui trình. Tiếp nhận, giải quyết cho phép các công ty, cơ sở tổ chức 91 cuộc hội thảo thuốc BVTV với 3.930 nông dân dự, cho phép cấm 26 bảng trình diễn tại các huyện trong tỉnh.

b) Chăn nuôi, thú y:

Trong tháng, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm không phát sinh.

Thực hiện tiêm phòng cúm 121.059 con gia cầm, phòng LMLM 2.824 con gia súc, tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 109.490 con gia súc; tiêm phòng dại chó, mèo 147 con. Lũy kế đến nay, tiêm phòng cúm 1,62 triệu con gia cầm, đạt 49,3% so diện tiêm; tiêm phòng LMLM 36.142 con gia súc, đạt 43,8% so diện tiêm; tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 821.255 con gia súc (dịch tả 288.241 con, tụ huyết trùng 265.113 con, phó thương hàn 267.901 con); tiêm phòng dại chó, mèo 1.338 con.

Kiểm dịch động vật xuất, nhập tỉnh được 21.149 con gia súc, 317.000 con gia cầm 2,6 triệu quả trứng và 95 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 105 lượt cơ sở. Lũy kế đến nay kiểm dịch 186.461 con gia súc, 2,7 triệu con gia cầm, 21,9 triệu quả trứng và 778 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 894 lượt cơ sở giết mổ, phát hiện 17 trường hợp vi phạm (thân thịt lưu thông, mua bán không có dấu kiểm soát giết mổ).

Toàn tỉnh có 13 cơ sở giết mổ tập trung hoạt động ổn định, bình quân giết mổ 90 gia súc/cơ sở/ngày đêm và 1.000 gia cầm/cơ sở/ngày đêm. Trạm trung chuyển heo xã Ninh Thới trung bình trung chuyển 60 con/ngày. Cơ quan chuyên môn tiếp tục hỗ trợ xây dựng thêm cơ sở giết mổ tập trung tại huyện Cầu Ngang.

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến nay đã có 5 huyện (Càng Long, Cầu Kè, Tiểu cần, Cầu Ngang và thành phố Trà Vinh) hỗ trợ xây dựng được 889 công trình khí sinh học, đưa 10 người đào tạo lớp gieo tinh nhân tạo cho bò, mua 07 bò đực giống và gieo tinh được 3 con bò cái giống.

Triển khai thực hiện phong trào cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi đến nay có 4.109 cơ sở, hộ chăn nuôi ký cam kết (33 cơ sở giết mổ; 195 cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi; 3.875 hộ chăn nuôi; 03 cơ sở ấp trứng và 03 cơ sở thức ăn chăn nuôi tổ chức hội thảo).

c) Lâm nghiệp:

- Trồng 140 ha rừng phòng hộ, đạt 60% kế hoạch (Công ty Mùa Vàng trồng 80 ha); hoàn thành công tác thiết kế trồng rừng, xây dựng dự toán thi công trồng, chăm sóc 68 ha rừng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh. Trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố được 50.000 cây, đạt 100% kế hoạch.

- Tổ chức 92 lượt tuần tra bảo vệ rừng, xử lý 03 trường hợp vi phạm, nâng tổng số đến nay tổ chức 665 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 13 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Trình phê duyệt phương án khai thác tận thu diện tích rừng bị thiệt hại do thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải; phê duyệt giá khởi điểm bán gỗ đước chết do sâu bệnh tại khu Bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh; phê duyệt phương án khai thác tận thu rừng phi lao chết do nấm bệnh tại ấp Hồ Thùng, Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

- Tổ chức 02 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho 60 hộ dân sống tiếp giáp với rừng trên địa bàn xã Mỹ Long Nam, Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 15 lớp cho 490 hộ dân sống tiếp giáp với rừng trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch trong tháng 14.418 tấn, tăng 2.655 tấn so với cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng thu hoạch đến nay 99.900 tấn (đạt 55,2% kế hoạch), tăng 262 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 1.671 ha (giảm 2.596 ha), thu hoạch 10.114 tấn (tăng 1.914 tấn). Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 38.551 ha, đạt 90,3% kế hoạch, thu hoạch 57.505 tấn, đạt 56,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 6.271 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Diện tích thả nuôi 1.402 ha (giảm 458 ha), thu hoạch 6.709 tấn (tăng 1.470 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 36.778 ha (tăng 2.034 ha), tập trung các đối tượng nuôi chủ yếu như: Tôm sú thả nuôi 1,7 tỷ con giống (18.015 ha), tôm thẻ chân trắng thả nuôi 2,26 tỷ con giống (4.681 ha), cua biển 192 triệu con (13.795 ha). Thu hoạch 27.011 tấn, cao hơn cùng kỳ 2.784 tấn, gồm tôm sú 6.855 tấn, tôm chân trắng 13.595 tấn, cua biển 5.135 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng làm thiệt hại 23,8 triệu con tôm sú giống, 47,2 triệu con tôm thẻ chân trắng. Lũy kế đến nay thiệt hại 370 triệu con tôm sú giống (chiếm 21,8%), 468 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 20,6%).

+ Vùng nước ngọt: Diện tích thả nuôi 269 ha (giảm 910 ha), thu hoạch 3.405 tấn (tăng 444 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 1.764 ha, giảm 931 ha so với cùng kỳ (cá lóc 207 ha, tôm càng xanh 570 ha, còn lại chủ yếu là cá các loại); thu hoạch 30.493 tấn (tăng 3.486 tấn so với cùng kỳ), gồm: Cá lóc 17.038 tấn, cá tra 5.371 tấn, tôm càng xanh 324 tấn, còn lại là các loại khác.

- Khai thác: Sản lượng 4.304 tấn, tăng 1.741 tấn so cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 42.396 tấn (1.214 tấn tôm), đạt 53,13% kế hoạch, giảm 6.008 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng 5.381 tấn (2.109 tấn tôm), khai thác hải sản 37.014 tấn (5.417 tấn tôm).

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.769 tấn thủy sản (tôm sú 32 tấn, tôm thẻ 2.190 tấn), chế biến 938 tấn, tiêu thụ 833 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 4,9 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 7.908 tấn (tôm sú 585 tấn, tôm thẻ 3.182 tấn), chế biến 4.316 tấn, tiêu thụ 3.446 tấn, kim ngạch xuất khẩu 21,9 triệu USD.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh: Tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi thủy sản và giám sát tình hình bệnh nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh. Kiểm dịch 2,25 tỷ con tôm giống, cấp 377 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 97 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 53 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 74 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 97 mẫu giáp xác, 16 mẫu bệnh phẩm phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 1.785 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 161.793 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 4.679 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 279.643 lượt người dự, các nội dung tuyên truyền là vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, xây dựng hố xí hợp vệ sinh, trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng,...

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Đến nay có 21 xã đạt 19 tiêu chí (giảm 02 xã Kim Hòa và Hiếu Tử do kết quả rà soát các tiêu chí có tiêu chí số 13 về hộ nghèo đa chiều không đảm bảo), trong đó 20 xã có quyết định công nhận; 09 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 54 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 01 xã đạt từ 5-9 tiêu chí.

+ Trong tháng, Ban Chỉ đạo các xã công nhận 3.222 hộ đạt tiêu chuẩn hộ nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 116.182 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 52% trên tổng số hộ phát động (223.307 hộ); 155 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 22,73% trong tổng số ấp.

+ Tham mưu phân bổ 123,6 tỷ đồng (vốn trung ương 33,6 tỷ, vốn trái phiếu chính phủ 60 tỷ, ngân sách tỉnh 30 tỷ) cho các địa phương thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, hỗ trợ đầu tư phát triển. UBND tỉnh đã ban hành quyết định phân bổ cho các địa phương (hỗ trợ đầu tư phát triển 19,1 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 14,5 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh 30 tỷ đồng). Riêng vốn trái phiếu Chính phủ chưa có quyết định phân bổ.

- Chương trình bố trí dân cư: Trình UBND tỉnh xin điều chỉnh, gia hạn thời gian thi công kè bờ bên trái chiều dài 515m; thẩm định, phê duyệt dự toán, chuẩn bị hồ sơ kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đoạn kè bờ bên phải với,

dài 569m thuộc dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, huyện Tiểu Cần. Trình UBND tỉnh xem xét ban hành văn bản hủy kết quả lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp thuộc Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Hoàn thành 03 dự án chuyên tiếp, giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển 6,62 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch được giao (được bổ sung 624 triệu đồng). Đồng thời, Trung Tâm nước Sinh hoạt và VSMTNT được Ủy ban nhân dân tỉnh giao 06 tỷ đồng theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 để mở rộng trên 88,8 km các tuyến ống cấp nước tại các xã gặp khó khăn về nước sinh hoạt, đến nay đã được phê duyệt Dự toán và báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong tháng, lắp đặt cho 1.366 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã lắp đặt cho 89.536 hộ dân sử dụng nước máy.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

- Thông qua Hội đồng thẩm định Dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành và quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua quy hoạch nuôi và chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh

- Chọn đơn vị tư vấn lập dự án: “Dự án Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh”.

- Lập hồ sơ mời thầu xây dựng dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xin ý kiến góp ý đề cương nhiệm vụ dự toán dự án rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía và rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản:

- Hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy Nghị quyết lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Lấy ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

- Đề nghị gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về việc công bố hết dịch bệnh đạo ôn hại lúa Hè thu năm 2016 trên địa bàn 2 huyện Càng Long và Cầu Kè.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 10 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 14.698 m, khối lượng 29.511 m³. Nâng tổng số đến nay thực

hiện 865 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 672.987 m, khối lượng 1,9 triệu m³, vượt 24,7% kế hoạch cả năm.

- Ký hợp đồng tư vấn, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2017; kiểm tra tình trạng xuống cấp 03 cầu giao thông trên tuyến đê Mỹ Long để xử lý.

- Tổng hợp kết quả thu Quỹ phòng chống thiên tai năm 2016, đến nay đã thu được 2,21 tỷ đồng.

- Tổ chức 16 đợt kiểm tra, phát hiện, xử lý 02 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức 116 đợt kiểm tra, phát hiện 26 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thực hiện 23 dự án (01 dự án khởi công mới, 22 dự án chuyên tiếp), gồm: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng, đã giải ngân 56 tỷ đồng, đạt 24,35% kế hoạch (do bổ sung vốn). Đồng thời, đang thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí và công trình khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông xuân năm 2016.

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Hợp tác xã (HTX): Ban hành kế hoạch xây dựng HTX nông nghiệp Dân Tiến, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè hoàn thành kế hoạch xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới; xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ HTX nông nghiệp Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, HTX Dừa sáp Hòa Tân, huyện Cầu Kè trở thành HTX nông nghiệp kiểu mới. Phối hợp với các Sở, ngành tiến hành khảo sát, đánh giá 03 HTX nông nghiệp tại huyện Châu Thành, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh để xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn củng cố tổ hợp tác tại huyện Trà Cú và Càng Long. Nâng tổng số đến nay đã được 06 lớp, đạt 75% kế hoạch.

Ngoài ra, ngành đã hỗ trợ Công ty Lương thực Trà Vinh hoàn thành phương án cánh đồng lớn về sản phẩm cây lúa trên địa bàn tỉnh.

f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 20 cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm, thủy sản, xay xát lúa gạo; kiểm tra, đánh giá 30 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại có 24 loại A, 06 loại B; cấp 15 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 86 mẫu thủy sản. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 114 cơ sở sơ chế, kinh doanh thực phẩm, thủy - nông sản, xay xát lúa gạo; kiểm tra, đánh giá 184 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại có 130 loại A, 53 loại B, 01 loại C; cấp 74 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 472 mẫu (154 mẫu nông sản, 253 mẫu thủy sản, 65 mẫu nước tiểu heo thịt).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 44 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 15 tàu, đăng ký 15 tàu, xóa bộ 01 tàu, cấp 26 sổ danh bạ (109 thuyền viên), cấp 41 giấy phép khai thác thủy sản, 79 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 389 tàu cá (13 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 104 tàu, đăng ký 121 tàu, xóa bộ 10 tàu, cấp 151 sổ danh bạ (661 thuyền viên), cấp 321 giấy phép khai thác thủy sản, 918 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.206 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 95.779 CV (224 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 661 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 995 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 79 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 5.139 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 6.755 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 500 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 52 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap, quản lý giống thủy sản, an toàn thực phẩm nông, thủy sản cho 2.130 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 219 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap, quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 6.020 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác và quản lý tàu cá, sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn, thuốc thú y dùng trong nuôi trồng thủy sản, sơ chế thủy sản đối với 55 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, thu mua sơ chế thủy sản, 03 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 85 tàu cá; thu, phân tích 38 mẫu; xử lý 01 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác và quản lý tàu cá, sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn, thuốc thú y dùng trong nuôi trồng thủy sản đối với 211 cơ sở, 117 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 447 tàu cá; thu, phân tích 150 mẫu; xử lý 62 trường hợp vi phạm.

- Phối hợp kiểm tra, thanh tra liên ngành: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, kết hợp với đoàn kiểm tra liên ngành huyện Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh, Sở Khoa học và Công Nghệ, Ban chỉ đạo 389 kiểm tra 132 cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến chủ yếu tập trung trên các mặt hàng thịt, sản phẩm từ thịt, rau, củ quả, thủy sản; tham gia xử phạt 06 cơ sở vi phạm theo quy định.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:

- Vụ Hè Thu khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh), diện tích 0,6 ha, lúa đang giai đoạn trổ - chín; khảo nghiệm 0,7 ha

giống bưởi da xanh xen dừa, hiện đang phát triển tốt. Thực hiện công tác kiểm định đồng ruộng vụ Hè Thu với tổng diện tích 197,6 ha, gồm các giống OM 5451, OM 4900, IR 50404, ML 202, Siêu Hàm Trâu tại các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành và Trà Cú.

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật quản lý và phòng trừ sâu bệnh hại lúa hè thu; kỹ thuật thụ tinh nhân tạo dê, kỹ thuật nuôi tôm càng xanh; nuôi tôm – cua – vọp kết hợp trồng rừng cho 995 lượt người; phân công cán bộ xuống địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tư vấn kỹ thuật sản xuất cho người dân được 1.516 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 343 lớp cho 9.989 lượt người (trồng trọt 128 lớp, 3.851 lượt người; chăn nuôi 68 lớp, 1.994 lượt người; thủy sản 147 lớp, 4.144 lượt người); phân công cán bộ xuống địa bàn trực tiếp tư vấn kỹ thuật sản xuất cho 4.515 lượt hộ.

- Tổ chức 02 cuộc tổng kết mô hình áp dụng 3 giảm 3 tăng và kỹ thuật trồng lúa SRI, kết hợp Đài Truyền hình Cần Thơ, Đài truyền thanh huyện Cầu Kè thực hiện 01 cuộc phóng sự, 01 bản tin thời sự. Nâng tổng số đến nay thực hiện 03 cuộc tọa đàm, 04 bản tin thời sự, 04 cuộc phóng sự và 01 chuyên đề.

- Tiếp tục thực hiện 06 mô hình trình diễn: Mô hình sản xuất lúa lai thương phẩm, mô hình trồng bắp chuyển đổi gen, mô hình cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, mô hình chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, mô hình nuôi cá kèo luân canh trong ao tôm, mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Vụ Hè Thu sản xuất 11,6 ha giống lúa OM 5451, OM 4900 (cấp xác nhận 1); nhân giống lúa OM 5451, diện tích 115 ha tại huyện Càng Long, Tiểu Cần, Trà Cú; nhân giống bưởi da xanh 10 ha tại các huyện Trà Cú, thành phố Trà Vinh, hiện đang hướng dẫn hộ dân xuống giống và chăm sóc cây con. Cung ứng 877 cây giống, nâng tổng số đến nay cung ứng 110 tấn lúa giống (8,5 tấn nguyên chủng) và 6.130 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Thực hiện 02 mô hình nhân giống gà tàu vàng sinh sản tại xã Đại Phước, Phương Thạnh, huyện Càng Long, hiện gà được 5 tháng tuổi, phát triển bình thường.

+ Giống thủy sản: Thực hiện 04 mô hình thực nghiệm: Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc từ viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II, sử dụng thức ăn công nghiệp thay thế thức ăn cá biển trong ương cá lóc từ bột lên giống, nuôi vỗ và sinh sản giống cua xanh có nguồn gốc địa phương. Sản xuất, cung ứng, điều tiết 0,41 triệu tôm càng xanh toàn đực, 0,3 triệu con tôm sú giống, 80 ngàn con cua biển. Nâng tổng số đến nay đã cung ứng, điều tiết cho người nuôi được 11,8 triệu con tôm sú giống, 1,68 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 8,55 triệu con post tôm thẻ chân trắng, 1,4 triệu con cua biển.

h) Công tác khác:

- Lấy ý kiến đóng góp dự thảo Kế hoạch tái cơ cấu ngành muối theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh; kết hợp

chỉ đạo tuyên truyền cam kết không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi và cam kết tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; đề nghị địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa giai đoạn 2016-2020; xây dựng kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng chính phủ; xác định những khu đất sản xuất nông nghiệp cần cải tạo hạ độ cao để phục vụ sản xuất.

- Hoàn chỉnh tổng hợp báo cáo: Kết quả làm việc với các địa phương theo chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 304-TB/VPTU ngày 07/6/2016; kết quả phòng, chống dịch bệnh đạo ôn trên lúa vụ hè thu 2016; lập kế hoạch thực hiện tổng thể dự án kiểm soát nguồn nước thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít tỉnh Trà Vinh - Vĩnh Long; kết quả thực hiện nội dung kiến nghị Trung ương theo Công số 2746/UBND-TH ngày 07/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; kết quả hỗ trợ thiệt hại sản xuất nông nghiệp đợt I do thiên tai, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016 trên địa bàn tỉnh; tình hình thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh một số kết quả đạt được như trên, ngành nông nghiệp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Bệnh đạo ôn gây hại lúa giảm so với tháng trước, nhưng vẫn còn cao so cùng kỳ, bệnh cạnh đó xuất hiện rầy nâu, đối tượng gây hại nguy hiểm.

- Sản lượng khai thác tiếp tục giảm so với tháng trước và giảm so cùng kỳ (cả khai thác hải sản và khai thác nội đồng).

- Diện tích trồng màu giảm đáng kể so cùng kỳ (giảm 3.502 ha).

- Diện tích và sản lượng tôm sú giảm do người dân chuyển sang nuôi tôm thẻ và một số đối tượng khác, có thời gian thu hoạch ngắn hơn.

- Bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng trong nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng vẫn còn xuất hiện rải rác.

- Công tác quản lý chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất gặp nhiều khó khăn; tình trạng vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm còn phổ biến và chậm được khắc phục.

- Sản xuất giống tại địa phương với qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra. Các vùng sản xuất giống thủy sản, vùng nuôi tập trung chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để kêu gọi doanh nghiệp tham gia thực hiện.

2. Nguyên nhân:

- Sản lượng tôm, cá gặt bờ giảm, ngư dân khai thác đạt sản lượng ít, không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi.

- Chi phí đầu tư cho trồng màu cao so với trồng lúa, trong khi đó giá cả đầu ra luôn bấp bênh, không tồn trữ được, chưa liên kết được đầu ra nên nông dân không mạnh dạn đầu tư.

- Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất đặc thù, chịu tác động trực tiếp của thiên nhiên, thời tiết, tính rủi ro cao, hiệu quả sản xuất và lợi nhuận thấp, do đó, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này bị hạn chế.

- Vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý giống và vật tư đầu vào còn nhiều mặt hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 9

1. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Tập trung chỉ đạo đơn vị chuyên môn tăng cường công tác dự tính, dự báo, chăm sóc, bảo vệ diện tích lúa hiện diện trên đồng; điều tra các điểm dự tính dự báo sâu bệnh, phân công cán bộ chuyên môn phụ trách địa bàn, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng nhằm hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại, đặc biệt là hướng dẫn nông dân phòng, trị bệnh đạo ôn lúa Hè Thu giai đoạn đòng – trổ và rầy nâu trên lúa Thu đông. Tuyên truyền, vận động nông dân xuống giống lúa Thu Đông – mùa dứt điểm theo khung lịch thời vụ, đồng thời, chuẩn bị tốt điều kiện phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2016-2017.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Khuyến cáo người dân chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng các loại cây màu như bắp, đậu phộng, rau, củ các loại ở những nơi có điều kiện; hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại; xây dựng kế hoạch thực hiện các mô hình phòng trừ sâu bệnh tại các huyện trên địa bàn tỉnh; kết hợp địa phương thống kê diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây màu, chuẩn bị kết thúc vụ mùa 2016.

b) Chăn nuôi, thú y: Tiếp tục vận động, tuyên truyền các hộ chăn nuôi cam kết thực hiện quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh, chủ động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn vật nuôi; tuyên truyền các cơ sở hoạt động liên quan đến thú y không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, yêu cầu các cơ sở, hộ chăn nuôi ký cam kết không sử dụng chất cấm; tăng cường kiểm tra, kiểm soát giết mổ và vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh. Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý đàn chó, bắt chó thả rông năm 2016 và công tác quản lý heo đực giống trên địa bàn tỉnh; kết hợp đơn đốc địa phương triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Lâm nghiệp: Tiếp tục triển khai kế hoạch trồng rừng theo kế hoạch; chuẩn bị công tác gieo ươm cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2017; lấy ý kiến đóng góp các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương dự thảo quy định chính

sách bảo vệ rừng; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; tổ chức tuyên truyền pháp luật về quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng đến người dân sống trong và ven rừng phi lao trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

d) Thủy sản: Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và quản lý chặt chẽ tình hình sản xuất, kinh doanh giống, thức ăn, hóa chất, thú y thủy sản; tập trung chỉ đạo xuống giống tôm nước lợ các huyện ven biển; theo dõi, thống kê tình hình thiệt hại các loại thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ phụ trách địa bàn tư vấn kỹ thuật nuôi thủy sản cho người dân hạn chế thiệt hại trong mùa mưa, bão; thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường và thu mẫu giáp xác tại các cửa sông đầu nguồn vùng nuôi tôm trọng điểm; đối với vùng nuôi tập trung bị thiệt hại, khuyến cáo nông dân sử dụng hóa chất xử lý mầm bệnh trước khi thả ra môi trường; tổ chức tập huấn và tuyên truyền các qui định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản theo hướng VietGAP. Tuyên truyền cho ngư dân trang bị các thiết bị an toàn cho thuyền viên và tàu cá trước khi ra khơi.

e) Công tác nông thôn mới: Tổ chức kiểm tra, hỗ trợ các xã phấn đấu đạt 19 tiêu chí trong năm 2016; đôn đốc địa phương khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ sản xuất. Xây dựng kế hoạch tập huấn các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới năm 2016. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác chuyên ngành:

- Công tác quy hoạch, kế hoạch: Hoàn chỉnh 03 dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua 03 dự án quy hoạch thực hiện năm 2015; tổ chức đấu thầu đề lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn thầu 02 dự án rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và Quy hoạch vùng nguyên liệu mía tỉnh Trà Vinh; hoàn chỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa giai đoạn 2016-2020.

- Công tác tham mưu, xây dựng, ban hành văn bản: Trình Ban cán sự Ủy ban nhân dân dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển công nghệ cao; trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tiếp tục thực hiện quy trình dự thảo Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kết hợp địa phương theo dõi cao trình nước, tiêu úng, xỏ phèn, phục vụ sản xuất. Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyển tiếp từ năm 2015 và các công trình đầu tư mới năm 2016. Tiếp tục triển khai thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016; vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016.

- Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp, tổ chức 15 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, phòng chống dịch bệnh; tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình có hiệu quả; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện các chuyên mục, phóng sự và bản tin về công tác khuyến nông; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các dự án khuyến nông thuộc chương trình vốn sự nghiệp năm 2016. Kết hợp dự án AMD thực hiện các mô hình trồng thanh long, trồng đậu phộng trong mùa mưa sử dụng phân hữu cơ vi sinh...

- Phối hợp tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương, hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng. Tiếp nhận, hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản định kỳ theo quy định. Tổ chức các cuộc thanh tra chuyên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Điều tiết, sản xuất, cung ứng giống lúa, cây ăn trái, thủy sản phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Lắp đặt đồng hồ cấp nước sinh hoạt cho 800 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và kéo thêm tuyến ống cấp nước cho các xã gặp khó khăn về nước sinh hoạt trong mùa khô, hạn.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống (đặc biệt là lúa giống và tôm giống), vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời để hạn chế thiệt hại khi có mưa, lũ xảy ra.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT, thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:


- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN-PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huyền Hiệp Nô

**BÁO CÁO 8 THÁNG ĐẦU NĂM
VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**



Mã số	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 8	Ước TH 8 tháng đầu năm 2016	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
A	B	4	1			3	4=3/1	
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1.1	Cây lúa	Ha	92.723	167.000	291	78.625	84,80%	47,08%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	13.499	89.000	291	906		1,02%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		89.000				0,00%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		54,20				0,00%
	- Sản lượng	tấn		482.380				0,00%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	79.224	78.000		77.719	98,10%	99,64%
	- Diện tích thu hoạch		19.574	78.000	1.992	3.810	19,46%	4,88%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,30	53,50	44,91	44,29	81,57%	82,79%
	- Sản lượng	tấn	106.290	417.300	8.945	16.876	15,88%	4,04%
1.2	Cây màu	Ha	44.495	57.330	3.340	40.994	92,13%	71,50%
1.2.1	Màu lương thực	Ha	6.612	9.350	474	5.249	79,38%	56,13%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.334,8	6.000	229,6	3.309	76,33%	55,14%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.528,0	6.000	96	2.608	73,92%	43,47%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,9	52	54,17	54,06	95,06%	103,96%
	- Sản lượng	Tấn	20.063,8	31.200	520	14.099	70,27%	45,19%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.072,8	1.550	87,9	920,34	85,79%	59,38%
	+ Diện tích thu hoạch	"	787,8	1.550	38	701,30	89,02%	45,25%
	+ Năng suất	Tạ/ha	177,4	159,70	175,27	175,40	98,87%	109,83%
	+ Sản lượng	Tấn	13.976,2	24.754	659	12.301	88,01%	49,69%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	783,1	1.150	84,8	659,55	84,22%	57,35%
	+ Diện tích thu hoạch	"	504,3	1.150	13	405,80	80,47%	35,29%
	+ Năng suất	Tạ/ha	162,1	151,50	150,9	154,6	95,36%	102,02%
	+ Sản lượng	Tấn	8.174,0	17.423	201	6.272	76,73%	36,00%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	421,3	650	71,4	360,02	85,46%	55,39%
	+ Diện tích thu hoạch	"	298,4	650	36	244,54	81,95%	37,62%
1.2.2	Cây thực phẩm	Ha	24.064	31.830	2.300	22.444	93,27%	70,51%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	23.335	31.000	2.282,2	21.811,30	93,47%	70,36%
	+ Diện tích thu hoạch	"	18.418,0	31.000	1.105	14.711,40	79,88%	47,46%
	+ Năng suất	Tạ/ha	221,5	223,94	242,85	243,66	110,02%	108,81%
	+ Sản lượng	Tấn	407.896	694.200	26.832	358.465	87,88%	51,64%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	728,9	830	18,3	632,86	86,83%	76,25%
	+ Diện tích thu hoạch	"	656,2	830	12	520	79,18%	62,60%
	+ Năng suất	Tạ/ha	16,7	16,58	16,1	15,3	91,32%	92,26%
	+ Sản lượng	Tấn	1.099,0	1.376	19	795	72,31%	57,75%
1.2.3	Cây công nghiệp hàng năm		12.031	13.500	349	10.744	89,30%	79,59%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.207,3	5.000	84,1	4.301	102,22%	86,01%

Mã số	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 8	Ước TH 8 tháng đầu năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích thu hoạch		3.839,0	5.000	32	3.747,30	97,61%	74,95%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,3	53,00	58,04	51,91	97,48%	97,94%
	+ Sản lượng	Tấn	20.443,8	26.500	184	19.452	95,15%	73,40%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.941	6.100	88	4.626,34	77,87%	75,84%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.397,0	6.100	23	4.163	77,13%	68,24%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.097,0	1.100	1.088	1.065	97,05%	96,78%
	+ Sản lượng	Tấn	592.050,0	671.000	2.448	443.149	74,85%	66,04%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.882,5	2.400	177	1.817,1	96,52%	75,71%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.407,0	2.400	83	1.269,4	90,22%	52,89%
	+ Năng suất	Tạ/ha	109,8	103,40	98,8	109,6	99,78%	105,96%
	+ Sản lượng	Tấn	15.449,0	24.816	819	13.908	90,03%	56,04%
1.2.4	Cây trồng khác	Ha	1.789	2.650	217	2.557	142,92%	96,48%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.789	2.650	217	2.557	142,92%	96,48%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.561	2.650	151	2.171	139,05%	81,91%
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha		233	140	140		60,09%
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"		233	140	140		60,09%
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		340				
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha		4971				
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50	9	50		100,00%
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	37.439	42.700	1.671	38.551	102,97%	90,28%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	2.695	4.000	269	1.764	65,43%	44,09%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.884,2	2.500	269	1.194	63,36%	47,76%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	3	50	4	32	1070,23%	64,00%
	+ Cá lóc	"	193	290	26	207	107,55%	71,54%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	811	1.500		570	70,24%	37,98%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	811	1.500		570	70,24%	37,98%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	34.744	38.700	1.402	36.788	105,88%	95,06%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	34.719	37.000	1.402	36.493	105,11%	98,63%
	Trong đó: + Tôm sú	"	19.125	19.000	595	18.015	94,20%	94,82%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.139	5.000	619	4.682	113,12%	93,64%
	+ Cua biển	"	11.455	13.000	188	13.795	120,43%	106,12%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 8	Ước TH 8 tháng đầu năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)		25	1.700	-	295	12	17,35%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè							
	- Nuôi cá							
	- Nuôi giáp xác							
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống SX	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	99.638	181.000	14.418	99.900	100,26%	55,19%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	51.234	101.200	10.114	57.505	112,24%	56,82%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	26.941	55.500	3.405	30.493	113,19%	54,94%
	- Sản lượng cá	"	26.619	55.000	3.369	30.169	113,34%	54,85%
	Trong đó: Cá tra, cá ba sa	"	2.334	10.000		5.371	230,07%	53,71%
	+ Cá lóc		16.548	27.000	2.321	17.038	102,96%	63,10%
	- Sản lượng giáp xác	"	322	500	36	325	100,74%	64,93%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	322	500	36	325	100,74%	64,93%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	24.293	45.700	6.709	27.011	111,19%	59,11%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	23.371	43.500	6.435	25.585	109,47%	58,82%
	Trong đó: + Tôm sú	"	8.049,4	14.500	1.565	6.855	85,16%	47,28%
	+ Tôm chân trắng	"	11.676	21.000	3.036	13.595	116,43%	64,74%
	+ Nuôi cua biển	"	3.646	8.000	1.835	5.136	140,86%	64,20%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	921,79	2.200	274	1.426	154,70%	64,82%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	48.404	79.800	4.304	42.396	87,59%	53,13%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	41.182	65.900	3.745	37.014	89,88%	56,17%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	17.625,16	25.000	1.787	14.903	84,56%	59,61%
	Trong đó: - Loài ...	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	5.951,86	8.900	470	5.417	91,02%	60,87%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ...	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	17.605	32.000	1.489	16.694	94,82%	52,17%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	7.222	13.900	558	5.381	74,51%	38,71%
	Trong đó: - Cá các loại	"	3.414	6.500	237	2.335	68,38%	35,92%
	- Tôm các loại	"	2.635	4.200	240	2.109	80,04%	50,22%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	1.172,33	3.200	82	937	79,95%	29,29%